TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁT XÁT** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2024/QĐST-HNGĐ	*Bát Xát, ngày 06 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn". Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Mò A T - Sinh năm 1998

Địa chỉ: Tổ 13(Q1-T2), thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Chị Nguyễn Mai N - Sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 21/02/2019 anh Mò A T và chị Nguyễn Mai N thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai theo đúng quy định của pháp luật và trên cơ sở hai bên tự nguyện yêu thương, kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do vợ chồng đi làm ăn xa, không thường xuyên ở cạnh nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau, dẫn đến anh chị luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách nuôi dạy con chung và xây dựng kinh tế gia đình. Từ đó giữa hai anh chị thường xuyên cãi chửi nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, bản thân hai anh chị cũng như gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng đều không có kết quả, từ năm 2020 do mâu thuẫn không khắc phục được nên anh chị đã tự sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Đến

nay, mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó anh chị đều nhất trí thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị theo quy định của pháp luật.

Xét thấy sự thỏa thuận giữa hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận là phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Mò A T và chị Nguyễn Mai N sinh được 01 người con chung là cháu Mò Huyền A, sinh ngày 03/3/2019, hiện cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận để chị Nguyễn Mai N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Mò Huyền A đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Mò A T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Mò Huyền A trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về lãi suất chậm nộp tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Mò A T và chị Nguyễn Mai N thỏa thuận kể từ ngày chị Nguyễn Mai N có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh Mò A T không thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng anh còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Xét thấy sự thỏa thuận về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận là phù hợp với Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về lệ phí: Anh Mò A T và chị Nguyễn Mai N thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 (Bẩy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mò A T và chị Nguyễn Mai N. Quan hệ hôn nhân của anh, chị chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Mai N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mò Huyền A, sinh ngày 03/3/2019 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Mò A T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Mò Huyền A trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Mò A T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Mai N có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh Mò A T không thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng anh còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về lệ phí: Anh Mò A T và chị Nguyễn Mai N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh, chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0000648 ngày 16/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Anh Mò A T và chị Nguyễn Mai N đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bát Xát (02);
- Các đương sự (02);
- UBND xã B, huyện B;
- Chi cục T.H.A DS huyện Bát Xát;
- Lưu hồ sơ; Tập QĐ; VP.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng